TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31 -3 -2022
V/v: ly hôn giữa
Chị T và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thùy;

Ông Trần Đình Phấn.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Kim Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2021 về việc "Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà 18, đường K, phường , thành phố L, tỉnh L.

Bị đơn: anh Vũ Cao K, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Chị T vắng mặt, anh K có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Chị và anh Vũ Cao K kết hôn có tìm hiểu tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 26/4/2018. Sau khi cưới vợ chồng chung sống làm ăn tại Thành phố L, tỉnh L. Đến tháng 10/2018 vợ chồng mâu thuẫn do anh K không chịu khó làm ăn mà lại chơi bời, cờ bạc, quan hệ ngoài

luồng với phụ nữ khác.Hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Anh K đã về quê tại xã X, huyện X còn chị ở lại L. Nay chị xác định tình cẩm vợ chồng không còn. Chị đề nghị được ly hôn anh K.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Vũ Cẩm Tú A, sinh ngày 03/11/2018 và Vũ Trường S sinh ngày 03/11/2018. Các con ở với anh chị trên L, khi chị cho con về quê nội tháng 10/2018 thì anh K và ông bà nội đã giữ các cháu lại không cho về L nữa. Khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi cháu Vũ Cẩm Tú A còn nhường cho anh nuôi cháu Vũ Trường S; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần liên quan kinh tế đến ai. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị có đơn xin không hòa giải nữa và xin xét xử vắng mặt chị.

Theo lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Vũ cao K trình bày: Anh và chị T kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 26/4/2018. Sau khi cưới anh chị sống trên L, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh đã về X từ tháng 8/2020. Từ đó vợ chồng chấm dứt quan hệ không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Vũ Cẩm Tú A, sinh ngày 03/11/2018 và Vũ Trường S sinh ngày 03/11/2018. Hiện các con đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con vì hai con sinh đôi không muốn các cháu tách rời nhau, Trước đây bản thân anh đi bán hàng cho cây xăng ở L thu nhập ổn định, nay vì phải về quê chăm con anh không bán nữa mà lao động tự do, chị T ở với gia đình ngoại nhiều gia đình sống chung không đảm bảo cho con anh được.

Về tài sản: anh không nêu ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Vũ Cao K. Giao cháu Vũ Cẩm Tú A, sinh ngày 03/11/2018 cho chị T trực

tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Trường S sinh ngày 03/11/2018 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền thăm nom chăm sóc con chung. Án phí DSST chi T nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng tính cách lối sống, anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau. Chị xin ly hôn, anh xác định tình cảm không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh K không tìm được giải pháp hàn gắn hạnh phúc, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Anh chị có hai con chung chị xin nuôi cháu Vũ Cẩm Tú A nhường anh nuôi cháu Vũ Trường S; anh có nguyện vọng nuôi cả hai con không yêu cầu chị cấp dưỡng. Quan điểm của chính quyền địa phương và phụ nữ xã X cũng đề nghị nên để anh nuôi cháu S chị nuôi cháu Tú A là phù hợp. Do đó để đảm bảo quyền trực tiếp chăm sóc con chung, cháu Tú A là cháu gái nếu được mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn cho cháu cho nên cần chấp nhận đề nghị của chị T về vấn đề nuôi con chung.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Vũ Cao K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Cẩm Tú A, sinh ngày 03/11/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Trường S sinh ngày 03/11/2018 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh K có trách nhiệm bàn giao cháu Vũ Cẩm Tú A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002906 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kêt từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh